

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2026/DS-PT

Ngày: 05-8-2026

“Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do sức
khỏe và danh dự bị xâm phạm”



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan;

Ông Sỹ Danh Đạt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2026/TLPT-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2026, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe và danh dự bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2026/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1235/2026/QĐ-PT, ngày 15 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 1034/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Địa chỉ liên lạc: Số F, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023).

- Bị đơn: Ông Đoàn Hồng A, sinh năm: 1947 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A:

1. Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1961
2. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1983
3. Anh Đoàn Nhật M1, sinh năm 1986
4. Chị Đoàn Thị T1, sinh năm 1989
5. Anh Đoàn Minh T2, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị K, sinh năm 1934.

Địa chỉ: số A, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1961;
3. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1983.
4. Anh Đoàn Nhật M1, sinh năm 1986.
5. Chị Đoàn Thị T1, sinh năm 1989.
6. Anh Đoàn Minh T2, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Chị Huỳnh Thị N là nguyên đơn; bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

(Chị T, bà M và anh M1 có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Ý kiến của nguyên đơn chị Huỳnh Thị N, do chị Huỳnh Thị Cẩm T đại diện trình bày:**

Trước đây bà K là mẹ của chị Huỳnh Thị N được ở chung nhà với bà Đoàn Thị T3 (mẹ nuôi của bà K) từ năm 1944. Đến khoảng năm 1964, bà K ra ở riêng và được bà T3 cho một diện tích đất ở cặp mé sông để cất nhà ở. Đến năm 1994, do nhà nước mở đường lộ lấy hết phần nhà bà K ở nên bà K hỏi xin bà T3 dời nhà lên bờ và được bà T3 đồng ý cho cất nhà gần nhà của bà T3. Việc bà T3 cho bà K cất nhà thì không có giấy tờ gì. Phần đất có diện tích khoảng 127,3m² (đo đạc thực tế 143m²), nay thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp). Đến năm 2021 do nhà bị hư không ở được nên đồng đạo Hòa H cất lại nhà từ thiện cho bà K ở cho tới hiện nay. Từ khi bà K và

chị N cất nhà ra ở thì không có ai tranh chấp và gia đình bà N đi ra đường lộ bằng một con đường nhỏ cạp theo ranh đất của ông Đ.

Vào năm 2014, ông Hồng A đã kéo hàng rào lưới B40 rào hết thửa đất của ông Hồng A và bít lối đi của gia đình nên gia đình chị N khi đi ra lộ phải đi chung cửa rào nhà ông Hồng A và gia đình ông Hồng A có giao cho gia đình bà N chìa khóa để mở cửa. Tuy nhiên, hiện nay gia đình ông Hồng A đã đổi ổ khóa nhưng không giao chìa khóa mới cho gia đình chị N, nên khi nào gia đình cần đi ra phải phụ thuộc vào việc mở cửa rào của gia đình ông Hồng A. Hiện mẹ chị N bị bệnh nằm một chỗ cần người chăm sóc và vào ban đêm khi cần chở đi bệnh viện thì phải kêu nhà ông Hồng A mở cửa rất bất tiện. Do đó, chị N có yêu cầu giải quyết buộc ông Hồng A dỡ hàng rào để trả lại đất cho chị N. Ngày 20/9/2023, UBND xã H tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nay ông Đoàn Hồng A đã chết, chị N yêu cầu những người thừa kế của ông Hồng A phải tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 để trả phần đất diện tích 143m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ ông Đoàn Hồng A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp Tòa án xác định đất là của gia đình ông Hồng A thì chị N vẫn yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này và đồng ý trả giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 1.200.000đ/m² cho hộ ông Hồng A để được đứng tên quyền sử dụng đất. Trường hợp buộc gia đình của chị N di dời nhà và tài sản có trên đất thì yêu cầu gia đình bà M phải hỗ trợ chi phí di dời là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

**** Bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1 là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đoàn Hồng A, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày:***

Bà M và anh M1 cho rằng lời trình bày của chị Huỳnh Thị N và người đại diện theo ủy quyền của chị N là chị Huỳnh Thị Cẩm T là không đúng. Trước đây, ông Đoàn Hồng A (chồng bà M, cha anh M1) có cho mẹ con chị N ở nhờ trên phần đất mé sông. Sau đó, do đất bị sạt lở, bà K xin ông Hồng A cho dời lên bờ cất nhà ở nhờ nên ông Hồng A đồng ý cho dời lên phần đất hiện nay để ở từ khoảng năm 1998 đến nay.

Phần đất tranh chấp trước đây thuộc một phần thửa đất số 180b, 180c được ông Hồng A đăng ký kê khai lần đầu vào ngày 02/3/1992, đến ngày 16/01/1993 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Nguồn gốc đất do bà Đoàn Thị T3 là cô ruột ông Hồng A để lại làm đất hương hỏa thờ cúng ông bà. Đến ngày 20/01/2011, được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi thành thửa số 6, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.529,7m², loại

đất ở tại nông thôn đứng tên hộ ông Đoàn Hồng A. Gia đình bà M không có quan hệ huyết thống với mẹ con bà K, chị N; đồng thời bà K cũng không phải con nuôi của bà T3 như trình bày.

Do chỉ là cho ở nhờ nên bà M và anh M1 không đồng ý yêu cầu của chị N về việc giao quyền sử dụng diện tích đất 143m² vì không có căn cứ. Ngược lại, bà M và anh M1 yêu cầu Tòa án buộc chị N và bà K di dời nhà cùng toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp để trả lại phần đất 143m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ ông Đoàn Hồng A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bà M và anh M1 cho rằng việc chị N khởi kiện ông Hồng A là vu khống, không có căn cứ pháp lý, làm ảnh hưởng đến danh dự, tinh thần và sức khỏe của ông Hồng A, dẫn đến ông Hồng A vì tức giận mà bị nhồi máu cơ tim, điều trị tại Bệnh viện C và sau đó qua đời ngày 06/9/2024. Do đó, bà M và anh M1 yêu cầu Tòa án buộc chị N chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vu khống dẫn đến ông Hồng A chết, đồng thời bồi thường thiệt hại gồm: tổn thất tinh thần, danh dự, sức khỏe 150.000.000 đồng; chi phí chăm sóc, điều trị từ ngày 18/3/2024 đến ngày ông Hồng A chết và chi phí mai táng 100.000.000 đồng, tổng cộng 250.000.000 đồng.

Hiện nay, mâu thuẫn giữa hai gia đình đã trầm trọng, nếu gia đình chị N tiếp tục ở trên diện tích đất này sẽ dễ phát sinh xung đột, tranh chấp và ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự địa phương, tính mạng, sức khỏe của gia đình bà M nhất là việc khởi kiện của chị N đã dẫn đến cái chết của ông Hồng A. Do đó, gia đình bà M không đồng ý cho gia đình chị N tiếp tục ở trên đất và thanh toán giá trị đất cho gia đình bà M, mà yêu cầu chị N và bà K phải di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho gia đình bà M. Phía gia đình bà M không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị K trình bày tại tờ tường trình đề ngày 20/5/2025 như sau:***

Bà K là mẹ của chị Huỳnh Thị N. Nguyên trước đây nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Đoàn Thị T3 để lại cho bà K diện tích khoảng 127,3 m² (Chiều dài khoảng 19m và chiều ngang khoảng 6,7m) thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49 đất tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông Đoàn Hồng A đứng tên. Bà K ở chung nhà với mẹ ruột là bà Võ Thị N1 và bà Đoàn Thị T3, khi mẹ ruột chết bà K được bà T3 nuôi. Bà T3 không có chồng con nên nuôi nhiều người cháu như: bà Huỳnh Thị P, bà Đặng Thị K, bà Đặng Thị N2. Đến khi bà K khoảng 30 tuổi thì bà T3 có cho bà K ra riêng cất nhà cặp bờ sông. Năm 1994, do nhà nước mở đường lộ lấy hết phần nhà bà K ở, bà K hỏi xin bà T3 dời nhà lên bờ và được bà T3 đồng ý cho cất nhà gần nhà của bà T3. Đến năm 2021 do nhà bị hư không ở được nên đồng đạo Hòa H cắt lại nhà từ

thiện cho bà K ở cho tới hiện nay. Từ khi bà K cất nhà ra ở riêng bà T3 ở một mình không ở chung với ai.

Năm 1997, bà T3 do tuổi già sức yếu không thể tự chăm sóc cho bản thân được. Bà K là người chăm sóc nuôi dưỡng bà T3 đến năm 2004 thì bà T3 chết. Việc ông Đoàn Hồng A tự ý kê khai đứng giấy đất bà K hoàn toàn không biết. Phần đất này bà K ở liên tục từ năm 1934 cho đến nay và được bà T3 cho đất cất nhà ở chứ không phải cho hết đất cho ông Hồng A. Ông Đoàn Hồng A còn cha nên không có về ở chung với bà T3, đến năm ông Hồng A 28 tuổi cưới vợ, do nhà chật hẹp không thể tổ chức đám cưới. Bà T3 đem ông Hồng A về nhà làm đám cưới. Sau khi cưới xong vợ chồng ông Hồng A che mái chái ở tạm nhà bà T3, đến năm 1980 ông Hồng A xin bà T3 cho cất nhà ra ở riêng trên phần đất của cha ông Hồng A.

Đến năm 1988, do nhà hư ông Hồng A xin bà T3 cho cất ở nhờ trên phần đất của bà T3. Đến năm 1998 ông Hồng A cất nhà lùi ra phía sau nhà bà T3, cũng là nền nhà ở hiện nay của gia đình ông Hồng A.

Khoảng năm 1978, bà K không có chồng con nên nhận cháu ruột về làm con nuôi là chị Huỳnh Thị N, chị N ở chung với bà K từ nhỏ tới hiện nay. Hiện nay mẹ con bà K không có chỗ ở nào khác, không có điều kiện để di dời đi chỗ khác sinh sống. Mong các cơ quan có thẩm quyền xem xét giúp đỡ mẹ con bà K có chỗ ở ổn định vì hoàn cảnh gia đình bà K rất khó khăn, mẹ con bà K bị gia đình ông Hồng A đuổi đi lấy đất không cho mẹ con bà K tiếp tục sinh sống.

Do bà K tuổi già sức yếu bà K không thể tham gia tòa được, bà K thống nhất ý kiến con gái bà K là chị Huỳnh Thị N. Bà K giao đất cho bà N toàn quyền quyết định vì đất và nhà này bà K đã cho chị N quản lý sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị N về việc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 143m² thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1. Buộc chị Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị K có trách nhiệm di dời nhà ở và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình ra khỏi phần đất có diện tích 143m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp), để giao trả đất cho những người thừa kế của ông Đoàn Hồng A quản lý, sử dụng.

Thời hạn thực hiện việc di dời tài sản là 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2024 của Tòa án và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 13/SĐ. ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1 về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị N bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: chị N, bà M, anh M1 có yêu cầu kháng cáo đối với 1 phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo: yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 143m² thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N trình bày: nếu trường hợp buộc chị đi dời trả đất thì bên phía bà M, anh M1 phải hỗ trợ chi phí di dời cho chị cho chị với số tiền là 100.000.000đ.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là anh M1 và bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, buộc gia đình bà N phải dời nhà ra khỏi đất; đồng thời bồi thường thiệt hại gồm: tổn thất tinh thần, danh dự, sức khỏe 150.000.000 đồng; chi phí chăm sóc, điều trị từ ngày 18/3/2024 đến ngày ông Hồng A chết và chi phí mai táng 100.000.000 đồng, tổng cộng 250.000.000 đồng.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của chị N; Buộc phía bên bà M, anh M1 trả giá trị nhà cho chị N theo giá mà hội đồng định giá đã định. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và anh Đoàn Nhật M1. Sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị N và yêu cầu phản tố của phía bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe và danh dự bị xâm phạm” là phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 6, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị N, bà M, anh M1 không đồng ý với một phần quyết định bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu kháng cáo của chị N về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 143m² loại đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp). Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất mà bà N và bà K đang quản lý, sử dụng là của bà Đoàn Thị T3 là cô ruột ông Hồng A để lại cho ông Hồng A làm đất hương quả thờ cúng ông bà. Vào ngày 02/3/1992 ông Hồng A có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Hồng A vào ngày 16/01/1993 đối với các thửa đất số 180b, 180c, tờ bản đồ số 3a, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 20/01/2011, ông Đoàn Hồng A thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 917763, sổ vào sổ cấp GCN CH02763 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.529,7m² vào ngày 20/01/2011 cho hộ ông Đoàn Hồng A. Phần đất tranh chấp diện tích 143m² thuộc một phần thửa đất số 6 nêu trên.

Chị N cho rằng mình là người sử dụng đất ngay tình do đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất trong thời gian trên 30 năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tranh chấp, chị N thừa nhận và xác định rõ nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cô ruột của ông Đoàn Hồng A. Đồng thời, chị N cũng biết ông Hồng A đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này từ năm 2011. Do đó, không có căn cứ xác định chị N là người chiếm hữu, sử dụng đất ngay tình như chị đã trình bày.

Bên cạnh đó, chị N hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 54, diện tích 1.471,0m² (Bút lục 232) nên việc chị N cho rằng không còn nơi nào khác để ở là không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Mặt khác, theo trình bày của chính chị N, giữa hai gia đình đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng trong quá trình sinh hoạt. Mâu thuẫn giữa hai bên gia đình đã phát sinh trong thời gian dài, trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục cùng sinh sống, sinh

hoạt chung trong cùng một khuôn viên. Nên việc chị N không đồng ý di dời trả lại đất là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N yêu cầu bên bà M, anh M1 hỗ trợ chi phí di dời với số tiền 100.000.000đ, bên bà M, anh M1 không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời; chị N cũng không có chứng cứ để chứng minh cho việc phải chi các khoản chi phí này nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Đồng thời, tại phiên tòa chị N cũng không đồng ý việc giao lại căn nhà để bên gia đình bà M, anh M1 trả giá trị.

- Xét yêu cầu kháng cáo của anh M1, bà M về việc buộc bà N bồi thường thiệt hại gồm: tổn thất tinh thần, danh dự, sức khỏe 150.000.000 đồng; chi phí chăm sóc, điều trị từ ngày 18/3/2024 đến ngày ông Hồng A chết và chi phí mai táng 100.000.000 đồng, tổng cộng 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

+ Về yêu cầu đối với chi phí tổn thất tinh thần, danh dự, sức khỏe với số tiền 150.000.000 đồng.

Anh M2 và bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị N có hành vi vu khống, bịa đặt hoặc có hành vi khác xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của ông Hồng A.

Việc chị N khởi kiện vụ án là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mà chị N cho rằng mình bị xâm phạm; ngoài việc thực hiện quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật, thì anh M2, bà M không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc chị N có hành vi bịa đặt, vu khống hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông Hồng A. Do đó, không có căn cứ xác định ông Hồng A bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm để làm cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường. Vì vậy, yêu cầu của anh M2, bà M về việc buộc bồi thường thiệt hại do bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm là không có căn cứ chấp nhận.

+ Về chi phí chăm sóc, điều trị từ ngày 18/3/2024 đến ngày ông Hồng A chết và chi phí mai táng với số tiền là 100.000.000 đồng;

Như đã nhận định ở trên, việc chị N khởi kiện là để chị bảo vệ quyền và lợi ích của chị N. Không có mối liên hệ nhân – quả đến tình trạng bệnh của ông Hồng A.

Ông Đoàn Hồng A sinh năm 1947; Sức khỏe của ông Hồng A cũng có rất nhiều bệnh nền: Tăng lipid máu hỗn hợp, tăng huyết áp, lao phổi cũ (bút lục 73). Phía anh M2, chị bà M cho rằng do chị N khởi kiện dẫn đến việc ông Hồng A tức, bị nhồi máu cơ tim là hoàn toàn không có cơ sở khoa học. Do đó, đối với yêu cầu chị N chịu chi phí chăm sóc, điều trị và mai táng phí của ông Đoàn Hồng A với số tiền 100.000.000đ của bà M, anh M2 là không có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N; Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh M2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện V trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị N về việc giao lại căn nhà cho bên bà M, anh M2 quản lý, sử dụng; bên bà M, anh M2 trả lại giá trị căn nhà cho chị N theo giá mà Hội đồng định giá đã định; Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh M2 về việc yêu cầu chị N bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm qua phân tích động viên đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, các bên đều không thống nhất. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 6, điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 584 của Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 100, 101 của Luật Đất đai 2013; Điều 137, Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị N;
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Ngọc M;
3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Nhật M1;
4. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 99/2026/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị N về việc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 143m² thuộc một phần thửa

số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1. Buộc chị Huỳnh Thị N và bà Đặng Thị K có trách nhiệm di dời nhà ở và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình ra khỏi phần đất có diện tích 143m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp), để giao trả đất cho những người thừa kế của ông Đoàn Hồng A quản lý, sử dụng.

Thời hạn thực hiện việc di dời tài sản là 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2024 của Tòa án và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 13/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ ngày 16/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Ngọc M và anh Đoàn Nhật M1 về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị N bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Huỳnh Thị N phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0003613 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001710 ngày 19/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Huỳnh Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Ngọc M, anh Đoàn Nhật M1, chị Đoàn Thị L, chị Đoàn Thị T1 và anh Đoàn Minh T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Đoàn Nhật M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005610 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

- Về chi phí tố tụng:

Chị Huỳnh Thị N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.753.290đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng). Số tiền này chị N đã nộp và chi xong.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009050 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Anh Đoàn Nhật M1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009193 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Ngọc M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD,KT,TT và THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 7– Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh

